

Số: 62/BC-UBND

Hung Yên, ngày 08 tháng 5 năm 2014

## BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết 02/NQ-TU ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy Hưng Yên về Chương trình xây dựng nông thôn mới và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đến năm 2015

### I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là Chương trình xây dựng NTM) được triển khai thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế nước ta nói chung và tỉnh ta nói riêng gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn thực hiện Chương trình hạn chế; nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự cố gắng nỗ lực của các cấp, các ngành; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh; Chương trình xây dựng NTM của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực và bước đầu đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

#### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo, bộ phận giúp việc BCD các cấp:

Căn cứ hướng dẫn của Ban chỉ đạo (BCĐ) Trung ương và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan; tỉnh Hưng Yên đã thành lập và thường xuyên kiện toàn BCD, bộ phận giúp việc BCD thực hiện Chương trình xây dựng NTM ở các cấp, từ tỉnh đến thôn, nhằm đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- **Cấp tỉnh:** Thành lập, kiện toàn BCD Chương trình xây dựng NTM của tỉnh gồm 28 thành viên, do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực. Thành lập Văn phòng điều phối gồm 25 thành viên (trong đó có 7 biên chế hoạt động chuyên trách), do đồng chí Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Chánh Văn phòng, trực tiếp giúp việc cho BCD.

- **Cấp huyện:** Thành lập BCD xây dựng NTM huyện/thành phố, do Chủ tịch UBND huyện/thành phố làm Trưởng Ban; giúp việc BCD cấp huyện là Tổ giúp việc. Thành phần và số lượng thành viên tham gia BCD, Tổ giúp việc như ở cấp tỉnh.

- **Cấp xã:** Thành lập BCD do Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng Ban và thành lập Ban quản lý xây dựng NTM do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban.

- **Ở các thôn:** Thành lập Ban Phát triển thôn, Ban giám sát xây dựng NTM thôn.

Trong quá trình hoạt động, BCD các cấp, Văn phòng Điều phối, Ban Quản lý xây dựng NTM, Ban Phát triển thôn thường xuyên được kiện toàn kịp thời khi có thay đổi nhân sự, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các đồng chí Trưởng, Phó Ban và các thành viên Ban chỉ đạo của tỉnh thường xuyên đi kiểm tra, đôn đốc, nắm bắt tình hình thực hiện ở cơ sở; chỉ đạo quyết liệt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các xã để thực hiện thành công Chương trình xây dựng NTM.

## 1.2. Về ban hành các văn bản điều hành Chương trình:

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/8/2008 của BCH Trung ương Đảng về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn” và Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG XD NTM giai đoạn 2010-2020 và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành liên quan; tỉnh Hưng Yên đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng NTM; trong đó có một số văn bản quan trọng sau:

- **Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI:** Ngay sau khi BCH Trung ương (khóa X) ban hành Nghị quyết số 26/NQ-TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XVI đã xây dựng Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 24/10/2008; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 31/12/2008 về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của BCH Trung ương (khóa X), Nghị quyết số 24-NQ/CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 24/10/2008 của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- **Ngày 10/5/2011, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII** đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU về Chương trình XD NTM tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, định hướng 2030; Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 14/6/2013 về việc tiếp tục dồn thửa đổi ruộng đất nông nghiệp thực hiện quy hoạch xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012-2015.

Hầu hết cấp ủy cấp huyện đều ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng NTM, nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy.

- **Ngày 20/7/2012, HĐND tỉnh** ban hành Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND về Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015).

- **UBND tỉnh** ban hành các văn bản: Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 12/4/2010 về phê duyệt Chương trình xây dựng NTM tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010 - 2020, định hướng 2030; Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 27/5/2011 về việc phân công nhiệm vụ thực hiện Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020; Kế hoạch số 91/KH-UBND, ngày 29/10/2010 và Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 07/9/2011 về xây dựng NTM tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND về việc quy định cơ chế hỗ trợ xi măng để đầu tư các công trình đường thôn, xóm, đường ra đồng thực hiện Chương trình xây dựng NTM tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2012-2015 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn khác.

Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện Chương trình như: Hướng dẫn thành lập BCĐ, Ban quản lý Chương trình xây dựng NTM xã, Ban Phát triển và Ban

Giám sát xây dựng thôn; Hướng dẫn công tác lập Quy hoạch, cắm mốc chỉ giới theo Đề án quy hoạch xây dựng NTM; Hướng dẫn về trình tự thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt Đề án xây dựng NTM, Hướng dẫn quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân xã phù hợp với xây dựng NTM,...

## **2. Công tác tuyên truyền, phổ biến**

Xác định Chương trình xây dựng NTM là một chương trình lớn, tổng hợp, thực hiện trong một thời gian dài, được thực hiện bởi sức mạnh của cả hệ thống chính trị và là sự nghiệp của toàn dân, người dân vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu của Chương trình. Vì vậy, công tác tuyên truyền được BCD các cấp, các sở, ngành, đoàn thể và các địa phương coi trọng, tích cực triển khai với các hình thức đa dạng, phong phú; nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, phương pháp thực hiện của Chương trình. Các cấp, các ngành tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân tích cực tham gia Chương trình với vai trò là chủ thể, theo phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng lợi và dân quản lý*".

Sau 3 năm triển khai, các ban, ngành, đoàn thể, các địa phương đã tổ chức được gần 4.000 buổi tập huấn, tuyên truyền cho gần 500.000 lượt cán bộ, đoàn viên, hội viên, nhân dân về Chương trình XD NTM. Tổ chức Đảng và hệ thống chính trị ở các cấp triển khai trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân thông qua các sinh hoạt và hoạt động. Sở Nông nghiệp và PTNT đã biên soạn và phát hành hơn 3.000 cuốn "*Bộ tài liệu xây dựng nông thôn mới và các văn bản hướng dẫn thi hành*" và trên 1.000 cuốn "*Sổ tay hướng dẫn xây dựng NTM*" để cấp phát cho các cán bộ làm công tác xây dựng NTM ở các cấp. Ban tuyên giáo Tỉnh ủy thường xuyên đưa các nội dung về XD NTM làm tài liệu sinh hoạt chi bộ hàng tháng; MTTQ và các đoàn thể, đã có nhiều hình thức tuyên truyền, với các nội dung như "*Cả nước chung tay xây dựng NTM*", "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng NTM*", "*khu dân cư 3 không*".

Đặc biệt, các cơ quan thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương thường xuyên đưa tin, bài về xây dựng NTM. Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hưng Yên mở chuyên trang, chuyên mục và xây dựng kế hoạch hàng tuần, hàng tháng về công tác tuyên truyền xây dựng NTM. Trong 3 năm, Báo Hưng Yên đã đăng tải hàng nghìn tin, bài, ảnh về xây dựng NTM; Đài phát thanh và truyền hình tỉnh mở chuyên mục "*Xây dựng nông thôn mới*" với thời lượng 10 phút phát sóng vào Thứ hai hàng tuần; thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm về xây dựng NTM với thời lượng 30 phút/chương trình.

Qua đó, đã góp phần nâng cao hiểu biết về nội dung Chương trình, giải pháp thực hiện và trách nhiệm của mỗi người trong thực hiện xây dựng NTM; vận động nhân dân tự giác tham gia, thúc đẩy phong trào toàn dân xây dựng NTM, động viên nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn.

Phong trào thi đua xây dựng NTM đã được phát động ở các cấp; tỉnh tổ chức ký giao ước thi đua giữa các ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố; Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể có nhiều phong trào, hình thức thi đua sáng tạo hiệu quả.

Chính vì vậy, phong trào đã thu hút đông đảo người dân tích cực tham gia thực hiện xây dựng NTM bằng nhiều hình thức như: hiến đất, góp kinh phí mua vật liệu xây dựng, góp ngày công lao động,... để sửa chữa, nâng cấp đường GTNT, làm kênh mương, thu gom, tập kết rác thải...; với kinh phí gần 248 tỷ đồng, trên 383.000 m<sup>2</sup> đất và hơn 180.000 ngày công lao động.

### **3. Công tác đào tạo, tập huấn**

BCĐ tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các huyện, thành phố tổ chức được 62 lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM cấp xã với gần 5.000 lượt người tham dự; gồm các thành viên BCĐ, Ban Quản lý xây dựng NTM cấp xã, Ban Giám sát và Ban Phát triển thôn. Nội dung tập huấn gồm các chuyên đề về: chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong xây dựng NTM; quy hoạch NTM, lập đề án xây dựng NTM; phương pháp huy động và quản lý nguồn lực xây dựng NTM; công tác tuyên truyền, vận động trong xây dựng NTM; phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân...; qua đó đã giúp cho đội ngũ cán bộ xây dựng NTM nắm được nội dung, trình tự, cách thức tổ chức, trách nhiệm của từng cấp giúp cho công tác tổ chức, thực hiện Chương trình xây dựng NTM đạt kết quả.

Ngoài việc tập huấn của tỉnh, các huyện, thành phố và một số xã còn trích Ngân sách của cấp mình để tập huấn về công tác lập quy hoạch, lập đề án xây dựng NTM cho trên 3.000 lượt cán bộ xã, thôn. Hầu hết các huyện đã tổ chức cho BCĐ huyện và các xã đi tham quan, học tập kinh nghiệm ở các tỉnh bạn để áp dụng vào thực tiễn ở địa phương mình.

### **4. Công tác lập quy hoạch, đề án xây dựng NTM**

#### **4.1. Lập, rà soát, bổ sung và điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM:**

Đến tháng 9/2013, 100% số xã đã hoàn thành việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng NTM. Sau khi Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015), UBND tỉnh đã chỉ đạo các huyện, thành phố rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng NTM cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đến nay có 05 huyện, thành phố (Văn Lâm, Tiên Lữ, Khoái Châu, Kim Động và thành phố Hưng Yên) đã hoàn thành rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch; các huyện còn lại đang tiếp tục thực hiện. Công tác công bố quy hoạch và cắm mốc chỉ giới ngoài thực địa được tỉnh quan tâm chỉ đạo, nhưng việc thực hiện chưa nhiều; nguyên nhân chủ yếu là do không có kinh phí, công tác chỉ đạo của huyện chưa quyết liệt.

#### **4.2. Lập Đề án xây dựng NTM:**

Đến hết năm 2013, 100% số xã đã hoàn thành việc lập và phê duyệt Đề án xây dựng NTM. Nội dung, quy trình, chất lượng đề án của các xã cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 26/TT-LN của Liên Bộ và Hướng dẫn số 94/HD-NN ngày 08/11/2011 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## 5. Xây dựng hạ tầng kinh tế, xã hội (tính đến hết tháng 3/2014)

### 5.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn:

Nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn được huy động từ nhiều nguồn khác nhau. Qua 3 năm, toàn tỉnh đã huy động hơn 811 tỷ đồng (trong đó: ngân sách TW và tỉnh là 386 tỷ đồng, nguồn vốn đối ứng của cấp huyện, ngân sách xã và nhân dân đóng góp trên 425,2 tỷ đồng) để đầu tư làm đường giao thông nông thôn. Đến nay, đã làm mới, cải tạo, nâng cấp trên 500 km đường giao thông nông thôn và giao thông nội đồng, xây mới được 05 cầu; đường huyện quản lý đã được cứng hoá 100%, đường xã 88%, tuyến đường thôn 87,1%.

Tích cực triển khai thực hiện theo cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường GTNT của tỉnh; các huyện, thành phố đã làm mới 157,5 km đường giao thông thôn, xóm, đường ra đồng (đạt 62,8% kế hoạch), tổng kinh phí đầu tư khoảng 112,4 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách các cấp hỗ trợ (tỉnh, huyện, xã) 57,5 tỷ đồng, vốn nhân dân đóng góp là 54,9 tỷ đồng (chi tiết tại Phụ lục 1).

### 5.2. Hệ thống lưới điện:

Năm 2012, Bộ Công Thương đã phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực Hưng Yên đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; trên cơ sở đó, ngành điện đã đầu tư xây dựng nhiều trạm biến áp và đường dây 110 KV, 220 KV trên địa bàn.

- Về lưới điện trung thế: Đầu tư xây dựng mới 130 công trình; sửa chữa, cải tạo 102 công trình (trong đó: Xây mới 192,78 km, cải tạo 43 km đường dây trung thế; xây dựng mới 318 TBA, cải tạo nâng công suất 59 TBA).

- Về lưới điện hạ thế: Đến nay đã tiếp nhận đường dây hạ thế của 90 xã, trong đó tổng khối lượng tiếp nhận là 2.620,5 km đường dây và đã được cải tạo xây mới 1.120 km. Khối lượng đường dây hạ thế thuộc dự án REII gốc (31 xã): 475,9 km, dự án REII mở rộng (48 xã) đã được đầu tư cải tạo: 626,23 km.

Tổng nguồn vốn huy động đầu tư xây dựng lưới điện nông thôn trong 3 năm trên 1.164 tỷ đồng (trong đó, vốn ngân sách nhà nước là 410 tỷ đồng, vốn ODA là 176,5 tỷ đồng, vốn khác là 14,6 tỷ đồng, vốn vay WB là 338 tỷ đồng, vốn ngành điện đầu tư là 225 tỷ đồng). Đến nay, hệ thống lưới điện cơ bản hoàn chỉnh, phục vụ tốt cho nhu cầu tiêu dùng điện ở nông thôn; đã có 130/145 xã đã bàn giao lưới điện hạ áp cho ngành điện quản lý, bán điện trực tiếp tới người dân nông thôn.

### 5.3. Trường học:

Trong 3 năm, toàn tỉnh đã đầu tư xây mới được 600 phòng học và mua sắm bàn, ghế, trang thiết bị đồ dùng học tập, với tổng kinh phí 185,7 tỷ đồng; nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất trường học. Toàn tỉnh có 236 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó: Mầm non có 45/175 trường (25,7%); Tiểu học có 116/169 trường (68,6%); THCS có 64/169 trường (37,9%); THPT có 11/37 trường (đạt 29,7%).

### 5.4. Cơ sở vật chất văn hóa:

Trong thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền đã tăng cường đầu tư phát triển đời sống văn hóa nông thôn; ngoài vốn hỗ trợ của nhà nước khoảng 20 tỷ đồng, các xã đã tích cực huy động kinh phí từ nguồn xã hội hóa để xây dựng cơ sở vật chất (nhà văn hóa, sân vận động, nhà tập thể thao...), xây dựng các qui ước, hương ước và tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng ở cơ sở. Toàn tỉnh hiện có

45% số xã có nhà văn hóa độc lập; 62% thôn, làng, khu phố có nhà văn hóa độc lập, 22% thôn, làng có nhà văn hóa hoạt động chung với Đình làng.

#### 5.5. Chợ nông thôn:

Năm 2012, UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới chợ nông thôn đến 2020. Qua 3 năm đã huy động trên 56 tỷ đồng đầu tư xây dựng mới và sửa chữa nâng cấp 13 chợ nông thôn; trong đó: vốn ngân sách xã là 17 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn khác là 39 tỷ đồng. Tỉnh đã có cơ chế thu hút đầu tư xây dựng một số chợ tương đối hiện đại ở trung tâm các huyện, thành phố như: Yên Mỹ, Phù Cừ, thành phố Hưng Yên; chuẩn bị đầu tư xây dựng ở Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang, Kim Động.

### 6. Về kinh tế và tổ chức sản xuất

#### 6.1. Thực hiện các đề án, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn:

Nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp định hướng thị trường, nâng cao thu nhập cho nông dân, 03 năm qua, UBND tỉnh đã đầu tư gần 250 tỷ đồng để lập và triển khai thực hiện hàng chục chương trình, đề án, dự án và nhiều nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp (như: Quy hoạch nông nghiệp - nông thôn, Quy hoạch phát triển chăn nuôi, Quy hoạch phát triển ngành nghề, Quy hoạch thủy lợi, Quy hoạch thủy sản; Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao; Đề án phát triển giống cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng cao; Đề án phát triển kinh tế vùng bãi; Dự án hỗ trợ chăn nuôi tập trung xa khu dân cư; Dự án Lipsap; Dự án Duy trì và nâng cao hệ thống sản xuất giống lúa tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015.... Dự án xây dựng quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể gà Đông Tảo cho sản phẩm gà Đông Tảo, nhãn hiệu tập thể "Quất cảnh Văn Giang" dùng cho sản phẩm quất cảnh của huyện Văn Giang; dự án sử dụng chế phẩm vi sinh Biomix-RR chế biến rơm rạ thành phân hữu cơ tại đồng ruộng, bón cho cây trồng nhằm phát triển nền nông nghiệp xanh, bền vững tại tỉnh Hưng Yên; hỗ trợ kinh phí mua giống lúa, hỗ trợ kinh phí sản xuất cây vụ Đông, kinh phí tiêm phòng, vệ sinh thú y, khử trùng tiêu độc, kinh phí để diệt chuột đồng loạt; xây dựng, chuyển giao các mô hình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;...).

Đó là chưa kể ngân sách cấp bù Thủy lợi phí (mỗi năm gần 160 tỷ), kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình kênh mương, trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, các huyện, thành phố còn lồng ghép, bố trí hàng chục tỷ đồng thực hiện các mô hình khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới, hỗ trợ giống, vật tư, phân bón; góp phần quan trọng phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất, giá trị thu trên một ha canh tác, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân.

#### 6.2. Công tác đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật:

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong thời gian qua, các sở, ngành, các huyện, thành phố tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo về kỹ thuật sản xuất, chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng nhiều mô hình trình diễn. Tính đến hết năm 2013, toàn tỉnh đã đào tạo, tập huấn, hỗ trợ dạy

nghề cho 121.350 lượt người; trong đó, dạy nghề cho lao động nông thôn là 10.500 người; nâng cao chất lượng khuyến nông, nhằm giúp nông dân có thể áp dụng những kiến thức, kỹ năng phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi; phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, duy trì hoạt động của 59 làng nghề truyền thống, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động ở nông thôn, tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho lao động nông thôn.

### 6.3. Phát triển các mô hình, tổ chức sản xuất và liên kết sản xuất:

Toàn tỉnh đã có trên 3.350 mô hình kinh tế hợp tác hoạt động có hiệu quả; trong đó có 165 HTX nông nghiệp; nhìn chung các mô hình hợp tác tự nguyện để làm ăn phát huy hiệu quả tốt, các HTX dịch vụ nông nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn. Trong thời gian qua, các tổ chức tín dụng, các đoàn thể đã tạo điều kiện cho các đoàn viên, hội viên vay vốn để phát triển sản xuất; mỗi năm, các đoàn thể đã hỗ trợ trên 24 tỷ đồng cho các đoàn viên, hội viên là hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất; tín chấp ngân hàng cho hội viên vay hơn 808 tỷ đồng.

Sở Nông nghiệp và PTNT, Liên minh HTX tỉnh và các địa phương đã tích cực hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện để thực hiện liên kết sản xuất giữa hộ nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp. Hỗ trợ, hướng dẫn người nông dân tiếp cận và vay vốn từ các tổ chức tín dụng; khai thác các nguồn tài chính để phục vụ phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác (mô hình liên kết thực hiện cánh đồng lớn, sản xuất trên 20 ha lúa nếp thơm Hưng Yên ở xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào; mô hình liên kết trồng dưa xuất khẩu tại huyện Tiên Lữ; mô hình liên kết giữa Công ty sữa Vinamilk, Công ty sữa Quốc tế bao tiêu toàn bộ sản phẩm sữa bò cho nông dân chăn nuôi bò sữa của các huyện Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động;...).

### 6.4. Công tác dồn thửa đổi ruộng đất nông nghiệp và xử lý đất dôi dư:

Công tác dồn thửa, đổi ruộng được các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt nhằm thực hiện tốt Chỉ thị 21 của Tỉnh ủy. Đến trước khi gieo cấy vụ Đông Xuân 2014, đã có 17/22 xã làm điểm đã giao ruộng ngoài thực địa cho nhân dân sản xuất vụ Xuân 2014 (mỗi hộ chỉ có từ 1-2 thửa, không có hộ 3 thửa); các xã còn lại đang tích cực triển khai thực hiện, dự kiến sẽ bàn giao đất ngay sau thu hoạch vụ Xuân 2014.

Trong quá trình dồn thửa đổi ruộng, các địa phương đã vận động nhân dân dành hàng chục hecta đất, đóng góp trên 10 tỷ đồng và hàng nghìn ngày công lao động để xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và đời sống dân sinh như: bãi rác, nghĩa trang, đường giao thông, hệ thống kênh mương... (Điển hình như xã Đình Cao, huyện Phù Cừ nông dân góp 36m<sup>2</sup> đất và 150.000đ/suất; xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi góp 18m<sup>2</sup> đất và 150.000đ/suất,...).

Việc xử lý đất dôi dư cũng được các huyện, thành phố tích cực chỉ đạo thực hiện nhằm tạo nguồn lực tài chính để xây dựng NTM và tạo minh bạch trong quản lý, sử dụng đất đai, tạo sự công bằng trong nhân dân. Đến nay, toàn tỉnh đã xử lý được hơn 70,3 nghìn m<sup>2</sup> đất dôi dư, thu được hơn 42,7 tỷ đồng để đầu tư xây dựng NTM (một số huyện thực hiện tốt như: Tiên Lữ, Phù Cừ, Khoái Châu...).

## **7. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường**

7.1 Về giáo dục: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,4 %, tỷ lệ huy động vào lớp 10 THPT đạt 78,6 %, tỷ lệ vào học bổ túc THPT đạt 3,1%, học nghề đạt khoảng 3,2%. Tỉnh được công nhận đạt Chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2; đặc biệt, năm 2013, tỉnh đã quyết định chuyển 159 trường Mầm non bán công thành trường Công lập.

7.2. Về y tế: Mạng lưới y tế được tăng cường về cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị y tế và nhân lực theo hướng hiện đại hóa; chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, đã cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Theo báo cáo của ngành Y tế, 3 năm qua, toàn tỉnh đã đầu tư trên 30 tỷ đồng nâng cấp, xây mới các trạm y tế xã; toàn tỉnh có 113/145 Trạm y tế xã có bác sỹ (đạt 77,9%) và có 29 trạm y tế xã đạt chuẩn; tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm đạt trên 60%.

Ngoài ra, ngân sách còn đầu tư hàng trăm tỷ đồng xây dựng, cải tạo các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện; đã đưa bệnh viện Sản Nhi vào hoạt động đầu năm 2014, đảm bảo chăm sóc sức khỏe, nâng cao năng lực khám chữa bệnh cho nhân dân.

7.3. Về văn hóa: Tỷ lệ gia đình văn hóa trong toàn tỉnh đạt 87%; có 84% thôn, làng được công nhận danh hiệu “Làng văn hóa”; 100% các xã trong toàn tỉnh có đội văn nghệ quần chúng, trên 25% số người dân tham gia vào các hoạt động tập luyện thể thao thường xuyên.

7.4. Về môi trường: Đến nay, tỉnh đã hỗ trợ xử lý 134 bãi chôn lấp rác thải, 68 điểm tập kết rác thải tại các thôn, xã; trên địa bàn tỉnh có trên 800 tổ, đội vệ sinh môi trường tự quản, có 627 thôn (chiếm trên 75%) quy hoạch được bãi rác hợp vệ sinh theo chỉ đạo của tỉnh; dự án LIFSAP và chương trình hỗ trợ chăn nuôi của tỉnh đã hỗ trợ xây dựng được trên 4.500 hầm biogas. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị chuyên môn tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền bảo vệ môi trường, giới thiệu các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn.

## **8. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và giữ gìn an ninh, trật tự xã hội**

8.1. Về xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh:

Hàng năm, đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng là cán bộ cơ sở. Toàn tỉnh có 127/145 xã (87,6%) có số cán bộ công chức đạt chuẩn; 112/145 xã (77,2%) có trụ sở xã đạt chuẩn; 61/145 trụ sở xã (42%) có công trình phụ trợ đạt chuẩn.

Qua đánh giá phân loại hoạt động của chính quyền cơ sở cho thấy, số đơn vị chính quyền cơ sở được các cấp công nhận đạt trong sạch vững mạnh hàng năm chiếm tỷ lệ trên 80%, còn lại xếp loại khá và trung bình, không có yếu kém.

Về phân loại tổ chức cơ sở Đảng năm 2013, có 102/145 cơ sở đạt TSVM (chiếm 70,34%; trong đó có 43 cơ sở đạt TSVM tiêu biểu), 35/145 cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ (chiếm 24,14%), 8/145 cơ sở hoàn thành nhiệm vụ (chiếm 5,52%), không có yếu kém.



Theo tổng hợp đánh giá xếp loại MTTQ và các đoàn thể quần chúng ở các xã, phường, thị trấn năm 2013: có 77,64% cơ sở đạt loại tốt; 16,77% loại khá; 3,73% loại trung bình và 1,86% loại yếu.

### 8.2. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương:

Cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị LLVT tỉnh đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, các ban, ngành, đoàn thể địa phương xác định nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện. Có 100% cơ quan, đơn vị LLVT tỉnh xây dựng kế hoạch, tham gia xây dựng NTM. Bên cạnh đó, LLVT tỉnh đã tập trung chỉ đạo hướng ứng phong trào "*Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới*". Ngoài ra, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh còn tổ chức thực hiện tốt các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chính sách hậu phương quân đội, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật sẵn sàng chiến đấu và huấn luyện đạt kết quả tốt.

### 8.3. Về gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

Công tác giữ gìn, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội được tăng cường, chủ động xây dựng thế trận an ninh nhân dân; các địa phương đã tổ chức tốt công tác phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn các hoạt động của các đối tượng tội phạm, củng cố phong trào ở những địa bàn có phong trào yếu, phức tạp; duy trì hoạt động của 64 mô hình tự quản, 406 ban hòa giải, 951 tổ hòa giải, 506 hòm thư tố giác tội phạm và 74 cụm liên kết an toàn về an toàn xã hội.

Trong 3 năm qua, Công an tỉnh phối hợp với các địa phương đã triệt phá hàng chục ổ nhóm tội phạm hoạt động theo kiểu xã hội đen, ngăn chặn tình trạng khai thác cát trái phép, lập lại trật tự trên tuyến sông Hồng, sông Luộc. Tính đến hết năm 2013, toàn tỉnh có 141/145 xã (đạt 97,2%) cơ bản đạt tiêu chí số 19 về ANTT.

## II. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

### 1. Kết quả tổng hợp theo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM

Qua kết quả rà soát, đánh giá lại của các huyện, thành phố cuối năm 2013, đến nay, toàn tỉnh chưa có xã đạt 17 tiêu chí trở lên; tuy nhiên, chỉ tiêu bình quân tăng khá, đạt **10,08** tiêu chí/xã, tăng **3,46** tiêu chí/xã so với năm 2011 (**6,62** tiêu chí/xã). Trong đó:

- Số xã đạt từ 15 - 16 tiêu chí: 07 xã;
- Số xã đạt từ 13 - 14 tiêu chí: 31 xã;
- Số xã đạt từ 10 - 12 tiêu chí: 31 xã;
- Số xã đạt từ 6 - 9 tiêu chí: 76 xã;
- Số xã đạt dưới 5 tiêu chí: 0.

Các huyện đạt tiêu chí bình quân cao là Mỹ Hào (đạt 11,75 tiêu chí/xã), Văn Giang (đạt 11,2 tiêu chí/xã), Văn Lâm (đạt 11,1 tiêu chí/xã); một số huyện đạt thấp như: Yên Mỹ (đạt 9,0 tiêu chí/xã), Kim Động (đạt 9,12 tiêu chí/xã), Phù Cù (đạt 9,53 tiêu chí/xã).

Một số tiêu chí có rất ít xã đạt được, đó là: Giao thông (07 xã đạt), Thủy lợi (02 xã đạt), Cơ sở vật chất văn hóa (13 xã đạt), Môi trường (17 xã đạt).

(Chi tiết theo các phụ lục số 2, 3, 4 đính kèm)

## **2. Về huy động nguồn lực đầu tư**

### **2.1. Vốn đầu tư phát triển:**

Qua 03 năm triển khai thực hiện Chương trình, tổng nguồn vốn đã huy động khoảng **17.671,5 tỷ đồng** để xây dựng NTM. Bao gồm:

- Vốn trực tiếp cho Chương trình: 1.208 tỷ đồng (*trong đó vốn CTMTQG NTM trên 71 tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh 79,2 tỷ đồng, vốn ngân sách huyện + xã khoảng 1.057,8 tỷ đồng*);

- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án: 1.121,5 tỷ đồng;

- Vốn huy động từ các doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ: 1.612,6 tỷ đồng;

- Vốn nhân dân đóng góp: 12.606,9 tỷ đồng;

- Vốn khác: 1.122,5 tỷ đồng.

Các nguồn vốn trên chủ yếu được đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

2.2. Vốn vay: Ngoài các nguồn lực trên, các tổ chức, cá nhân đã vay gần 10.000 tỷ đồng từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại để đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân (*Chi tiết theo phụ biểu 05 kèm theo*).

### **3. Đánh giá những mặt đạt được**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được quan tâm; đã huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị vào cuộc và sự hưởng ứng của đông đảo người dân đón nhận Chương trình một cách tích cực; bước đầu tạo được phong trào thi đua tại các địa phương, nhất là trong phong trào làm đường giao thông nông thôn.

- Công tác tuyên truyền, vận động luôn được các cấp, các ngành chú trọng, triển khai sâu rộng tới quần chúng nhân dân; nội dung, hình thức truyền tải phong phú, đa dạng, nên đã tạo được những chuyên biên tích cực về tư tưởng, nhận thức và hành động trong phong trào xây dựng NTM; người dân tích cực đóng góp ngày công, hiến đất, kinh phí... để xây dựng các công trình phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh.

- Bộ máy chỉ đạo, thực hiện Chương trình ở các cấp thường xuyên được kiện toàn; công tác kiểm tra, đôn đốc được tăng cường; thực hiện nghiêm chế độ giao ban, báo cáo để kịp thời tháo gỡ khó khăn, chấn chỉnh công tác chỉ đạo, thực hiện. Cán bộ làm công tác xây dựng NTM thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn và năng lực quản lý. Một số địa phương đã có nhiều sáng tạo, chủ động trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

- Việc xây dựng hạ tầng nông thôn được tổ chức thực hiện và quản lý theo đúng nội dung đề án, dự án được duyệt và đúng các quy định. Đa số công trình giao thông áp dụng cơ chế người dân tự thi công, quản lý; góp phần giảm chi phí trong quá trình thực hiện đầu tư.

- Đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn được các cấp, các ngành quan tâm, không ngừng nâng mức đầu tư qua các năm; các chương trình, đề án, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp được triển khai thực hiện tích cực và có hiệu quả; công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật công nghệ được thực hiện tích cực.

- Văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường và vấn đề an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu sống, học tập làm việc, vui chơi giải trí, hoạt động thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

#### **4. Những hạn chế, yếu kém**

- Các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM đôi khi còn thiếu đồng bộ; một số còn chung chung, chậm được cụ thể hóa cho phù hợp với địa phương (*nhất là hướng dẫn cụ thể hóa việc thực hiện các tiêu chí NTM, các hướng dẫn về cơ chế lồng ghép các nguồn vốn, về thủ tục thanh, quyết toán kinh phí đầu tư...*), một số hướng dẫn chưa phù hợp với thực tiễn ở cơ sở.

- Kinh phí bố trí của Trung ương cho Chương trình còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, đặc biệt là về vốn đầu tư cho phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng NTM ở nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức; sự lãnh đạo, chỉ đạo còn chưa sâu sát, thiếu quyết liệt, kể cả ở các xã điểm; việc xử lý đất đai dư tạo nguồn lực đầu tư còn hạn chế; công tác chỉ đạo dồn thửa đổi ruộng chưa quyết liệt, tạo tiền đề để sản xuất phát triển bền vững. Toàn tỉnh chưa có xã nào đạt NTM trong năm 2013 theo kế hoạch đề ra.

- Công tác đánh giá thực trạng nông thôn theo bộ tiêu chí NTM tại một số địa phương không được quan tâm đúng mức, đánh giá chưa sát với thực tế; nhận thức của một bộ phận cán bộ, nhân dân chưa đầy đủ, tư tưởng trông chờ vẫn còn nhiều. Nhìn chung, các địa phương vẫn coi trọng về xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chưa coi trọng các tiêu chí về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Công tác báo cáo còn chậm, một số nơi thực hiện thiếu nghiêm túc; nội dung báo cáo chưa bám sát theo đề cương và biểu mẫu hướng dẫn, số liệu còn thiếu và không chính xác.

- Sự phối hợp giữa các sở, ngành và các địa phương chưa thật sự đồng bộ; các thành viên BCD tỉnh được phân công phụ trách các huyện, thành phố chưa chủ động, chưa tích cực đi kiểm tra, đôn đốc các địa phương; việc lồng ghép các chương trình, đề án, dự án trên địa bàn cần được thực hiện tốt hơn.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐẾN 2015**

Trong những năm tới tình hình kinh tế, xã hội của cả nước và của tỉnh ta nói riêng còn nhiều khó khăn, trong khi nhiệm vụ đặt ra rất nặng nề. Do vậy, các cấp, các ngành cần tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp đồng bộ, huy động tối đa các nguồn lực và sức mạnh tổng hợp để thực hiện đạt mục tiêu, nhiệm vụ; “đến năm 2015 xây dựng 25% số xã trong toàn tỉnh đạt tiêu chuẩn nông thôn mới” như Nghị quyết số 02-NQ/TU của Tỉnh ủy về Chương trình Xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra.

*Toàn tỉnh phấn đấu nỗ lực để đến hết năm 2015 có 36 - 37 xã cơ bản đạt tiêu chí NTM; trong đó, năm 2014 phấn đấu có 15 - 17 xã cơ bản đạt tiêu chí; các xã còn lại phấn đấu năm 2014 đạt thêm từ 2 đến 3 tiêu chí (Phụ biểu 6).*

## **1. Những nhiệm vụ trọng tâm**

### **1.1. Rà soát điều chỉnh Quy hoạch và Đề án xây dựng NTM:**

Các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo các xã (chưa hoàn thành) thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng NTM cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; cắm mốc chỉ giới những vị trí quan trọng, vị trí dễ bị lấn chiếm để quản lý và thực hiện tốt quy hoạch đã được phê duyệt.

Rà soát đánh giá thực trạng đối với từng tiêu chí xây dựng NTM theo hướng dẫn tại Thông tư 41/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT và hướng dẫn của UBND tỉnh, tiếp tục tổ chức thực hiện Đề án xây dựng NTM ở các xã theo đăng ký điều chỉnh.

### **1.2. Về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:**

Tập trung chỉ đạo hoàn thành việc DTĐR theo kế hoạch của UBND tỉnh, làm cơ sở để tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, năng suất, chất lượng cao; tích cực triển khai chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao theo tinh thần Thông tư số 47/2013/BNNPTNT ngày 08/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa đối với những diện tích sản xuất lúa gặp khó khăn.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án của tỉnh trong phát triển sản xuất nông nghiệp; tăng cường công tác khuyến nông, xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập và phát triển nông thôn bền vững; đưa nhanh cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, nhất là các công đoạn cần nhiều lao động, cần đảm bảo thời vụ, từ đó giảm giá thành, tăng hiệu quả sản xuất. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa đặc sản của địa phương và các sản phẩm có thể mạnh; góp phần nâng cao giá trị sản phẩm.

Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn, nhất là hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, các HTX; hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cơ cấu lao động theo hướng "ly nông nhưng không ly hương".

### **1.3. Về xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

Huy động tối đa các nguồn lực xã hội để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh; ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật giao thông, thủy lợi nội đồng, điện, cấp nước sạch, thoát nước thải, thu gom và xử lý rác thải, nhằm phát triển sản xuất bền vững và đảm bảo sức khỏe nhân dân.

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, y tế, giáo dục, trụ sở làm việc theo tiêu chuẩn NTM; tập trung thi công hoàn thiện các công trình đã được phê duyệt đảm bảo tiến độ đề ra; tổ chức tốt công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến nơi xử lý; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ xi măng để làm đường GTNT.

#### 1.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

- *Về Giáo dục*: Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với giáo dục và đào tạo, có các giải pháp tích cực nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

- *Về Y tế*: Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức, dự báo và kiểm soát tình hình dịch bệnh, ngăn ngừa không để xảy ra ngộ độc thực phẩm; chú trọng nâng cao y đức cho đội ngũ thầy thuốc từ tỉnh đến cơ sở; phấn đấu 100% trạm y tế có bác sĩ, thực hiện các chương trình y tế quốc gia và chăm sóc sức khỏe nhân dân; tuyên truyền và đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế toàn dân.

- *Về Văn hóa*: Chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp hướng dẫn cơ sở thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Đề án “Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa tỉnh Hưng Yên đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”; lồng ghép có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa và Chương trình MTQG xây dựng NTM; phát triển và làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân; xây dựng hương ước, quy ước phù hợp với yêu cầu xây dựng NTM, đảm bảo môi trường, bài trừ tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan.

- *Về bảo vệ môi trường*: Tăng cường tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường, duy trì và hoạt động của các tổ thu gom rác tự quản; hỗ trợ kinh phí cho các tổ thu gom rác tự quản và xây dựng các điểm tập kết rác thải hợp vệ sinh; tổ chức quan trắc và có biện pháp xử lý kịp thời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; nhất là các làng nghề, các bãi rác thải, khu công nghiệp; thí điểm mô hình sử dụng máy đốt rác quy mô nhỏ để nhân ra diện rộng.

#### 1.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh và giữ gìn an ninh, trật tự xã hội:

Tiếp tục triển khai, thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh. Xây dựng tổ chức Đảng, Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể đạt TSVM/vững mạnh. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Công an tỉnh, phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng địa bàn an toàn, vững mạnh; thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương và an ninh, trật tự xã hội.

## 2. Một số giải pháp chính

### 2.1. Công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình:

- Các sở, ngành của tỉnh chủ động, tích cực tham mưu giúp Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách và các văn bản hướng dẫn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình; tăng cường công tác thi đua khen thưởng trong thực hiện Chương trình, đưa kết quả xây dựng NTM là một tiêu chí để xét thi đua của tập thể cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị hàng năm.

- Các huyện, thành phố và các xã thường xuyên củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo và bộ máy giúp việc; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trực tiếp chủ trì

họp giao ban hàng tháng và tăng cường đi cơ sở, chỉ đạo và tháo gỡ khó khăn cho cơ sở để thực hiện Chương trình; duy trì chế độ báo cáo, phản ánh về tỉnh.

- UBND và BCĐ các huyện, thành phố giao chỉ tiêu kế hoạch hoàn thành các tiêu chí xây dựng NTM cho từng xã; tiêu chí nào không cần nhiều nguồn lực tài chính, cần quan tâm thì thực hiện trước; quyết tâm chỉ đạo số xã đạt NTM năm 2014 như đã đăng ký với tỉnh; giao nhiệm vụ cho mỗi đoàn thể đảm nhận từ 1 đến 2 việc cụ thể để tạo phong trào thi đua giữa các đoàn thể.

- Mỗi cấp, mỗi ngành cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trong xây dựng NTM. Từng xã xây dựng lộ trình phân đầu cụ thể, phù hợp với đặc điểm địa phương, lựa chọn thứ tự ưu tiên các tiêu chí phân đầu, để mỗi năm có thêm từ 2-3 tiêu chí đạt chuẩn NTM.

## 2.2. Công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc:

Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, nhất là các thành viên được phân công phụ trách huyện, tăng cường kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố và các xã tổ chức thực hiện Chương trình. Từng sở, ngành chức năng, trên cơ sở Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT tham mưu để UBND tỉnh ban hành Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về NTM theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trực tiếp chủ trì họp giao ban BCĐ thường kỳ hàng tháng và dành thời gian đi kiểm tra, đôn đốc thực hiện ở cơ sở; xác định nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn để chỉ đạo quyết liệt, tháo gỡ từng khó khăn, vướng mắc cho các xã để thực hiện thành công Chương trình.

## 2.3. Công tác tuyên truyền, vận động xây dựng NTM:

Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, đi đầu vận động đông đảo nhân dân tích cực tham gia thực hiện xây dựng NTM. UBND các huyện, thành phố tích cực chỉ đạo các xã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức phong phú, nội dung đơn giản, phù hợp để mọi tầng lớp nhân dân hiểu ý nghĩa và lợi ích của Chương trình mang lại cho mình và cộng đồng; từ đó, thấy rõ trách nhiệm của mỗi người, tích cực tham gia hiến kế, hưởng ứng để thực hiện đạt các tiêu chí đề ra.

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hưng Yên; Đài truyền thanh các huyện, thành phố và các xã cần có chương trình, kế hoạch cụ thể tuyên truyền, phổ biến về Chương trình, tăng cả chiều rộng và chiều sâu, nêu gương những điển hình tốt, cách làm hay, phê phán nơi làm không tốt.

## 2.4. Công tác đào tạo, tập huấn:

Tiếp tục làm tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, phổ biến các chủ trương, chính sách mới cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM từ tỉnh tới thôn theo yêu cầu. Nội dung tập huấn bám sát theo chương trình khung do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

## 2.5. Huy động và bố trí nguồn lực:

Tích cực huy động các nguồn lực để tập trung xây dựng NTM; cần huy động tối đa nguồn lực của địa phương, thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động, lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình, dự án để thực hiện Chương trình.

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt việc xử lý đất dôi dư, thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất cho dân làm nhà ở, để tạo nguồn lực XD NTM.

Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/NĐ-CP của Chính phủ; cũng như các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân và các nguồn vốn tín dụng, các khoản viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh cho các dự án đầu tư.

Trên đây là nội dung báo cáo Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 10/5/2011 về Chương trình XD NTM tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, định hướng 2030; các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đến năm 2015. / . *thungyen*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- BCĐ Chương trình MTQG xây dựng NTM Trung ương;
- Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UB Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các thành viên BCĐ xây dựng NTM tỉnh;
- Bí thư các Huyện ủy, Thành ủy;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Minh Ngọc**

**Phụ biểu 1: TỔNG HỢP TIỀN ĐỘ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN THEO CƠ CHẾ HỖ TRỢ XI MĂNG (Tính đến 31/03/2014)**  
*(Kèm theo Báo cáo số 62 /BC-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

TT	HUYỆN, TP	CHIỀU DÀI (M)		KHỐI LƯỢNG XI MĂNG (Tấn)		TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN	KINH PHÍ (1,000Đ)			DÂN		
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		NS TỈNH	THỰC HIỆN GIẢI NGÂN SỔ VỚI KẾ HOẠCH (%)	NS HUYỆN		NS XÃ	
1	TP Hưng Yên	14.556	11.260	2.510	1.864	6.114.067	3.011.000	2.608.087	86,62	1.363.177	0	2.142.803
2	Phù Cừ	8.095	8.042	1.641	1.599	6.708.119	1.971.000	1.671.450	84,80	0	220.300	4.816.369
3	Kim Động	23.715	17.680	5.067	3.147	11.052.872	6.084.000	4.186.333	68,81	0	425.884	6.440.655
4	Ân Thi	44.614	27.631	8.298	5.181	12.837.075	9.952.000	4.135.616	41,56	0	0	8.701.459
5	Mỹ Hào	17.389	9.400	3.323	1.674	17.620.225	3.983.000	2.287.340	57,43	0	13.633.904	1.698.981
6	Văn Lâm	20.138	1.650	5.018	716	3.145.239	6.026.000	877.000	14,55	0	0	2.268.239
7	Khoái Châu	48.704	25.256	8.764	4.562	14.773.967	10.511.000	5.229.458	49,75	0	500.932	9.043.577
8	Trần Lữ	32.056	19.728	5.137	3.696	8.781.954	6.170.000	3.879.984	62,88	0	0	4.901.970
9	Văn Giang	19.346	15.970	4.721	3.432	11.196.661	5.647.000	4.201.170	74,40	0	0	7.001.217
10	Yên Mỹ	22.363	20.900	4.858	4.085	20.216.393	5.829.000	5.039.868	86,46	4.816.353	2.480.379	7.879.793
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>250.976</b>	<b>157.517</b>	<b>49.337</b>	<b>29.956</b>	<b>112.446.572</b>	<b>59.184.000</b>	<b>34.116.306</b>	<b>57,64</b>	<b>6.179.530</b>	<b>17.261.399</b>	<b>54.895.063</b>



**Phụ biểu 2: Thực trạng nông thôn Hưng Yên theo 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới**

(Kèm theo Báo cáo số 62/BC-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Huyện/TP	Văn Giang	Văn Lâm	Mỹ Hào	Yên Mỹ	Khoái Châu	Ân Thi	Kim Động	Phù Cừ	Tiên Lữ	TP. Hưng Yên	Tổng
1	Quy hoạch	10	10	12	16	24	20	16	13	14	10	145
2	Giao thông	0	1	0	0	0	0	0	0	6	0	7
3	Thủy lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2
4	Điện	7	9	12	15	22	20	16	13	14	9	137
5	Trường học	2	3	2	1	3	5	2	1	6	0	25
6	Cơ sở vật chất văn hóa	1	1	1	0	5	0	0	2	2	1	13
7	Chợ	4	5	7	2	7	1	0	3	11	2	42
8	Bưu điện	10	10	12	16	22	20	15	13	14	10	142
9	Nhà ở	10	6	12	15	12	20	16	4	3	6	104
10	Thu nhập	6	2	4	3	10	2	8	11	6	6	58
11	Hộ nghèo	5	4	3	2	1	1	0	2	0	4	22
12	Tỷ lệ lao động có việc làm	10	6	10	3	13	4	4	6	2	3	61
13	Tổ chức sản xuất	10	8	8	12	24	20	16	13	6	10	127
14	Giáo dục	9	6	11	6	12	9	4	2	13	5	77
15	Y tế	3	10	8	8	14	15	9	2	5	6	80
16	Văn hóa	8	10	12	15	22	19	15	13	12	9	135
17	Môi trường	0	0	3	0	0	2	3	1	6	2	17
18	Tổ chức chính trị XH vững mạnh	10	10	12	15	19	19	7	12	14	9	127
19	An ninh	7	10	12	15	24	20	16	13	14	10	141
<b>Tổng</b>		<b>112</b>	<b>111</b>	<b>141</b>	<b>144</b>	<b>234</b>	<b>197</b>	<b>147</b>	<b>124</b>	<b>148</b>	<b>104</b>	<b>1462</b>
<b>Bình quân số tiêu chí 01 xã đạt</b>		<b>11,20</b>	<b>11,10</b>	<b>11,75</b>	<b>9,00</b>	<b>9,75</b>	<b>9,85</b>	<b>9,19</b>	<b>9,54</b>	<b>10,57</b>	<b>10,40</b>	<b>10,08</b>

**Phụ biểu 3: Tổng hợp số xã đạt tiêu chí nông thôn mới theo nhóm**  
(Kèm theo Báo cáo số 62 /BC-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh)

TT	Nhóm	Kết quả đạt tiêu chí NTM	Số xã	Ghi chú
1	<b>Nhóm 1</b>	Số xã đạt 19 tiêu chí	0	
2	<b>Nhóm 2</b>	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	
3		Số xã đạt 17 tiêu chí	0	
4		Số xã đạt 16 tiêu chí	4	<i>Trung Nghĩa, Bình Minh, Tân Quang, Mỹ Sở</i>
5		Số xã đạt 15 tiêu chí	3	<i>Thiện Phiến, Nhật Tân, Nhân Hòa</i>
6	<b>Nhóm 3</b>	Số xã đạt 14 tiêu chí	13	
7		Số xã đạt 13 tiêu chí	18	
8	<b>Nhóm 4</b>	Số xã đạt 12 tiêu chí	5	
9		Số xã đạt 11 tiêu chí	9	
10		Số xã đạt 10 tiêu chí	17	
11	<b>Nhóm 5</b>	Số xã đạt 9 tiêu chí	28	
12		Số xã đạt 8 tiêu chí	25	
13		Số xã đạt 7 tiêu chí	18	
14		Số xã đạt 6 tiêu chí	5	<i>Bình Kiều, Việt Hòa, Đông Tào, Thành Công - huyện Khoái Châu; Hùng Cường - Tp Hưng Yên</i>
15	<b>Nhóm 6</b>	Số xã đạt 5 tiêu chí trở xuống	0	

**Phụ biểu 4: Tổng hợp các xã đạt từ 13 tiêu chí nông thôn mới trở lên**  
(Kèm theo Báo cáo số 62 /BC-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2014  
của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Huyện/TP	Xã		Số tiêu chí đã đạt
1	Văn Giang	1	Mễ Sở	16
		2	Long Hưng	14
		3	Phụng Công	13
2	Văn Lâm	1	Tân Quang	16
		2	Đình Dù	13
		3	Trung Trác	14
		4	Lạc Hồng	14
3	Mỹ Hào	1	Nhân Hòa	15
		2	Dương Quang	13
		3	Hòa Phong	13
		4	Phùng Chí Kiên	14
		5	Dị Sử	13
4	Yên Mỹ	1	Giai Phạm	13
		2	Yên Phú	13
5	Khoái Châu	1	Bình Minh	16
		2	An Vỹ	14
		3	Thuận Hưng	14
		4	Đông Kết	14
		5	Phùng Hưng	13
		6	Tân Châu	13
		7	Đại Tập	13
		8	Đồng Tiền	13
6	Ân Thi	1	Hồng Quang	13
		2	Vân Du	14
7	Kim Động	1	Đức Hợp	13
		3	Chính Nghĩa	13
8	Phù Cừ	1	Quang Hưng	14
		2	Đoàn Đào	13
		3	Mình Tân	13
9	Tiên Lữ	1	Thiện Phiến	15
		2	Hưng Đạo	14
		3	An Viên	13
		4	Trung Dũng	13
		5	Nhật Tân	15
10	TP. Hưng Yên	1	Bảo Khê	14
		2	Trung Nghĩa	16
		3	Hồng Nam	14
		4	Liên Phương	14
<b>Tổng số toàn tỉnh</b>		<b>38 xã</b>		

**Phụ biểu 5**  
**TỔNG HỢP VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011-2013**  
*(Kèm theo Báo cáo số 62 /BC-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	Kết quả thực hiện				Lũy kế đến thời điểm báo cáo
		2011	2012	2013		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=3+4+5	
1	Vốn trực tiếp cho Chương trình nông thôn mới	307.957	390.757	509.305	1.208.019	
1.1	Ngân sách Trung ương	20710	25.775	24.549	71.034	
1.2	Ngân sách tỉnh	3200	6.045	70.000	79.245	
1.3	Ngân sách huyện	198138	130.069	110.887	439.094	
1.4	Ngân sách xã	85909	228.868	303.869	618.646	
2	Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác	442446	252.533	426.550	1.121.529	
3	Vốn huy động từ doanh nghiệp	548.511	525.557	538.561	1.612.629	
4	Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư	4.002.006	4.183.365	4.421.460	12.606.831	
5	Vốn huy động từ nguồn khác (con em xa quê, từ thiện...)	336.795	337.941	447.756	1.122.492	
	<b>Tổng số</b>	<b>5.637.715</b>	<b>5.690.153</b>	<b>6.343.632</b>	<b>17.671.500</b>	

*Ghi chú: Phần vốn trên chưa tính nguồn vốn tín dụng mà các tổ chức tín dụng trên địa bàn cho các tổ chức và cá nhân vay xây dựng NTM là 9.934 tỷ đồng*

**Phụ biểu 6: Tổng hợp KH thực hiện năm 2014 và năm 2015**

(Kèm theo Báo cáo số 62/BC-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2014

của UBND tỉnh Hưng Yên)

Huyện	TT	Tên xã	Số tiêu chí đã đạt	Kế hoạch đăng ký của các huyện, thành phố	
				Năm 2014	Năm 2015
Văn Giang	1	Mễ Sở	16	x	
	2	Long Hưng	14	x	
	3	Phụng Công	13		x
Văn Lâm	1	Tân Quang	16	x	
	2	Đình Dù	13		x
	3	Trung Trác	14		x
	4	Lạc Hồng	14		x
Mỹ Hào	1	Nhân Hòa	15	x	
	2	Dương Quang	13		x
	3	Hòa Phong	13		x
	4	Phùng Chí Kiên	14		x
Yên Mỹ	1	Giai Phạm	13	x	
	2	Yên Phú	13	x	
Khoái Châu	1	Bình Minh	16	x	
	2	An Vỹ	14	x	
	3	Thuận Hưng	14		x
	4	Đông Kết	14		x
	5	Phùng Hưng	13		x
	6	Tân Châu	13		x
	7	Đông Tiên	13		x
	8	Đại Tập	13		x
Ân Thi	1	Hồng Quang	13	x	
	2	Vân Du	14	x	
Kim Động	1	Đức Hợp	13	x	
	2	Chính Nghĩa	13		x
Phù Cừ	1	Quang Hưng	14	x	
	2	Đoàn Đào	13		x
	3	Minh Tân	13		x
Tiên Lữ	1	Thiện Phiến	15	x	
	2	Hưng Đạo	14	x	
	3	An Viên	13		x
	4	Nhật Tân	15	x	
	5	Trung Dũng	13		x
TP. Hưng Yên	1	Bảo Khê	14	x	
	2	Trung Nghĩa	16	x	
	3	Hồng Nam	14		x
	4	Liên Phương	14		x
<b>Tổng toàn tỉnh</b>			<b>37</b>	<b>17</b>	<b>20</b>